

# Safety Data Sheet

## Product

### 1. SẢN PHẨM VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Tên thương mại : **WS500**

Loại sản phẩm : Cung cấp cho ngành Công nghiệp thực phẩm

Nhà sản xuất/Cung cấp : Công ty TNHH TM DV Đại Hoàn Cầu

Địa chỉ : 2/4/51/19 Lê Thúc Hoạch, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú

Số điện thoại : 028.62779771

Số Fax :

Địa chỉ E-mail :

### 2. NHẬN DẠNG TÁC HẠI

Tác hại chính : Kích ứng nếu tiếp xúc trực tiếp.

Tác động sức khỏe – Mắt : Dị ứng với mắt.

Tác động sức khỏe – Da : Dị ứng với da.

Tác động sức khỏe – Uống vào : Kích ứng miệng, cổ họng và đường tiêu hóa.

Tác động sức khỏe – Hít vào : Kích ứng mũi, cổ họng và đường hô hấp.

### 3. THÀNH PHẦN/THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Cách phối trộn – Thành phần hóa học

Thành phần	Nồng độ (%w/w)	RPhrases	Phân loại
Sodium Hydroxide	6.75 – 8.25	R35	C
Diethylene Glycol Monobutyl Ether	4.05 – 4.95	R36	Xi

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Sơ cứu – Mắt : Ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước. Đưa đến trạm y tế gần nhất.

Sơ cứu – Da : Ngay lập tức rửa bằng nhiều nước, cởi bỏ đồ bị dính hóa chất và rửa lại bằng xà phòng, nước.

Sơ cứu – Uống vào : Không gây nôn và uống nhiều sữa hoặc nước. Đưa đến trạm y tế gần nhất cùng với bình hóa chất và nhãn.

Sơ cứu – Hít vào : Di chuyển đến nơi không khí sạch.

### 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy : Sử dụng vòi phun nước, bọt, hóa chất khô hoặc Carbon dioxide.

Thiết bị bảo vệ : Linh cứu hỏa phải trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân cần

Phòng cháy – chữa cháy thiết vì nguy cơ tiếp xúc hóa chất gây dị ứng.

## 6. BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH TAI NẠN

Lưu ý cá nhân : Mặc trang phục bảo hộ thích hợp

Lưu ý đối với môi trường : Tránh để hóa chất chảy vào nguồn nước, sông

Khi bị chảy đổ : Đối với một lượng nhỏ, rửa thật nhiều nước nơi hóa chất đổ.  
Đối với một lượng lớn cần phải thu hồi để phân hủy. Sử dụng đất, cát, chất trơ để thu gom, cuối cùng rửa thật nhiều nước tại vị trí đổ.

## 7. VẬN CHUYỂN VÀ LƯU TRỮ

Vận chuyển : Mang thiết bị bảo hộ được khuyến cáo. Tuyệt đối không được trộn lẫn với hóa chất khác.

Lưu trữ : Cất kỹ hóa chất vào thùng kín và để nơi khô ráo. Tránh để gần thức ăn và động vật. Thời hạn sử dụng 1 năm

## 8. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ đường hô hấp : Sử dụng khẩu trang khi tiếp xúc

Bảo vệ tay : Dùng găng tay cao su

Bảo vệ mắt : Mang kính bảo hộ và mặt nạ

Bảo vệ cơ thể : Mặc PVC hoặc trang phục không thấm nước khác. PVC hoặc giầy cao su.

## 9. ĐẶC ĐIỂM LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Lý tính : Dạng lỏng

Màu : Trong, vàng nhạt

Mùi : Đặc trưng

Tính tan ( $\text{kg/m}^3$ ) : Tan hoàn toàn trong nước

pH : pH (1%) bằng chỉ số phổ 11 –14 and pH (1%) bằng máy đo 11.00 – 14.00 S.G.

Tỉ trọng  $25^\circ\text{C}$  : 1.10 –1.30

## 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT HÓA

Tính ổn định : Ổn định trong điều kiện bình thường.

Điều kiện cần lưu ý : Không để trực tiếp dưới nhiệt độ cao, ánh nắng trực tiếp.

Vật liệu cần tránh : Không có.

Các chất phân ly nguy hiểm : Không có.

## 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Mức độ độc hại : Các thành phần của sản phẩm này được phân loại là không độc hại.  
LD50 (oral,rat) 1,294.50 mg/kg.  
CALGONIT NF 424 1% (Calculate) LD50 (oral,rat) 129,450 mg/kg.

## 12. HỆ SINH THÁI

Độ bền : Sản phẩm dễ bị phân hủy.

Độ tích tụ : Sản phẩm này không được liệt vào hàng dễ tích tụ

## 13. PHÉ PHẨM

Tiêu hủy sản phẩm : Việc tiêu hủy tuân theo các quy định của cấp chính quyền địa phương

Tiêu hủy thùng chứa : Thùng chứa phải được làm sạch theo phương pháp phù hợp trước khi mang tái sử dụng hoặc vứt bỏ ở bãi phế phẩm hoặc tiêu hủy

## 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

UN No Không phân loại

Hazardclass 8

## 15. CÁC QUY ĐỊNH

UK Legislation SI1993/1746 :Hóa chất (Thông tin cảnh báo nguy hiểm và bao bì). Quy định năm 1993.SI, 1988/1657 : Được kiểm soát hóa chất độc hại của bộ y tế

Thông tin nhãn dán C

Nhóm R Kích ứng

Nhóm S Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa sạch ngay với thật nhiều nước và tìm đến tư vấn y tế. Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay với thật nhiều nước, mang quần áo bảo hộ, găng tay và bảo vệ

## 16. THÔNG TIN KHÁC

Ngày cấp SDS R00 ; Ngày 23 tháng 05 năm 1994

Ngày sửa SDS R02 ; Ngày 11 tháng 11 năm 2009